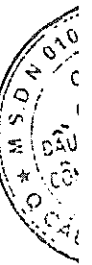


**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	11 - 47

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

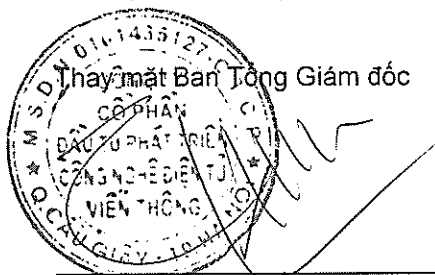
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/18254823/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



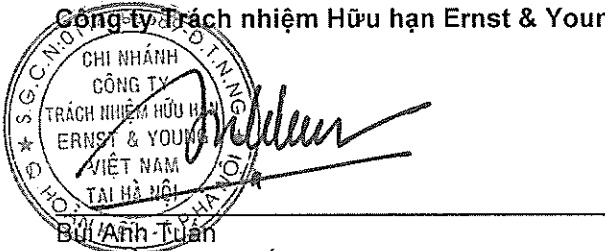
Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và các báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.002.688.391.407	671.251.638.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.487.515.967	64.822.773.461
111	1. Tiền		14.534.515.967	23.047.773.461
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.953.000.000	41.775.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.451.543.907	5.201.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	-	3.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		500.108.410.038	481.408.218.001
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	338.679.111.733	337.274.530.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	37.367.548.344	34.585.762.740
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	30	2.203.161.702	932.370.474
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	36.400.000.000	6.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8	109.077.406.069	105.434.761.773
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(23.618.817.810)	(2.819.207.286)
140	IV. Hàng tồn kho	9	454.370.367.389	119.401.245.837
141	1. Hàng tồn kho		454.370.367.389	119.401.245.837
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.270.554.106	417.857.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	322.373.149	417.857.628
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	12.948.180.957	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		362.247.705.917	392.541.759.377
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.948.830.536	26.349.325.536
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	30	11.848.300.536	11.848.300.536
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	30	-	14.400.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	100.530.000	101.025.000
220	II. Tài sản cố định		128.136.266.831	139.571.244.231
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	126.977.490.219	137.989.503.637
222	Nguyên giá		202.077.975.111	200.991.194.235
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.100.484.892)	(63.001.690.598)
227	2. Tài sản cố định vô hình		1.158.776.612	1.581.740.594
228	Nguyên giá		1.979.639.881	1.979.639.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(820.863.269)	(397.899.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.204.557.842	6.079.105.234
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.204.557.842	6.079.105.234
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	210.232.974.121	212.953.089.098
251	1. Đầu tư vào công ty con		103.552.860.000	103.552.860.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.691.049.500	127.679.789.500
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.010.935.379)	(18.279.560.402)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.725.076.587	7.588.995.278
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.725.076.587	7.588.995.278
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.364.936.097.324	1.063.793.398.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		608.827.722.911	309.776.760.386
310	I. Nợ ngắn hạn		589.144.146.910	289.150.759.796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	307.303.736.939	149.940.733.457
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	36.769.571.036	7.415.154.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.323.290.595	17.949.839.166
314	4. Phải trả người lao động		5.705.512.609	11.443.057.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.373.738.369	972.864.921
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		370.323.200	284.419.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	14.132.136.459	17.601.972.992
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	206.236.137.916	78.275.268.628
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.140.621.236	2.820.314.366
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	6.789.078.551	2.447.135.751
330	II. Nợ dài hạn		19.683.576.001	20.626.000.590
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	7.617.630.486	12.600.439.736
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	12.065.945.515	8.025.560.854
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		756.108.374.413	754.016.637.825
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	756.108.374.413	754.016.637.825
411	1. Vốn cổ phần		423.719.980.000	415.719.980.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		423.719.980.000	415.719.980.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.697.010.000	88.712.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.281.500.000)	(1.281.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.775.255.576	33.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		203.997.628.837	211.890.892.249
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước		177.517.593.449	126.401.944.442
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		26.480.035.388	85.488.947.807
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.364.936.097.324	1.063.793.398.211

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	357.288.231.318	236.928.333.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	357.288.231.318	236.928.333.132
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(258.478.872.657)	(179.934.464.717)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.809.358.661	56.993.868.415
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.418.381.834	11.034.898.843
22	7. Chi phí tài chính	25	(5.997.474.516)	(14.311.732.597)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.517.515.247)	(2.039.223.887)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(8.799.312.539)	(10.451.279.597)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(58.372.189.338)	(28.471.709.899)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.058.764.102	14.794.045.165
31	11. Thu nhập khác	27	1.748.795.115	1.897.898.725
32	12. Chi phí khác	27	(965.781.423)	(1.721.005.106)
40	13. Lợi nhuận khác	27	783.013.692	176.893.619
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.841.777.794	14.970.938.784
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.361.742.406)	(919.344.264)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.480.035.388	14.051.594.520

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

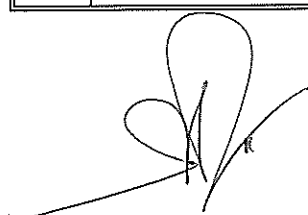
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		409.769.164.928	381.362.166.209
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(458.683.402.184)	(261.890.611.211)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(28.709.071.072)	(23.551.769.392)
04	Tiền chi trả lãi		(4.564.338.114)	(2.039.223.887)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.2	(10.533.283.993)	(5.739.220.065)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.982.073.451	65.379.064.397
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.709.883.890)	(46.843.129.083)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(139.448.740.874)	106.677.276.968
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.341.306.954)	(9.142.197.233)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	92.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(23.555.000.000)	(3.850.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.158.700.000	11.748.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		-	(9.315.000.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		3.999.969.144	1.757.774.895
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.774.173.778	23.609.993.886
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(963.464.032)	14.901.298.821
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		7.985.000.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(330.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		205.468.338.453	52.530.317.830
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(82.483.852.120)	(97.613.860.436)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.931.365.750)	(43.990.838.535)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		109.038.120.583	(89.404.381.141)

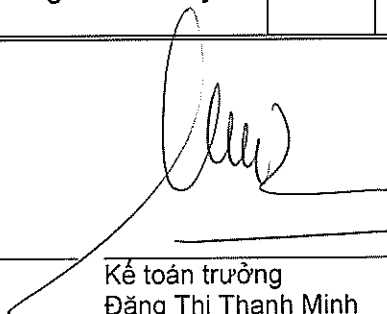
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

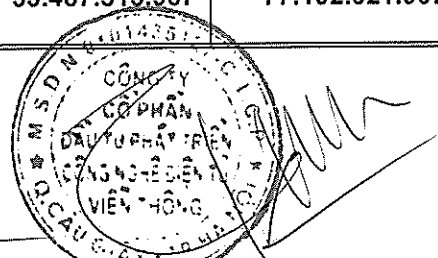
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31.374.084.323)	32.174.194.648
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		64.822.773.461	45.029.468.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		38.826.829	(11.040.865)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	33.487.515.967	77.192.621.967



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 247 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 237).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (i)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
4	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
5	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom, một công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có chi nhánh và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vào ngày 29 tháng 8 năm 2016.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chỉ trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và chi nhánh và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán của văn phòng Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh Doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	373.602.893	153.455.167
Tiền gửi ngân hàng	14.160.913.074	22.894.318.294
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>18.953.000.000</u>	<u>41.775.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>33.487.515.967</u>	<u>64.822.773.461</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,6% đến 4,8%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	205.468.338.453	52.530.317.830
- tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(82.483.852.120)	(97.613.860.436)
- tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	101.603.100	-	67.295.740	99.557.400	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	1.485.851.267	(2.962.671.833)	4.414.215.740	1.483.805.567	(2.962.671.833)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu từ khách hàng	335.647.903.021	334.243.321.588
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	68.839.232.840	12.380.964.515
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng	43.075.593.846	45.857.263.330
- Công ty TNHH Comverse	13.841.685.000	65.366.587.400
- Các khoản phải thu khách hàng khác	209.891.391.335	210.638.506.343
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	3.031.208.712	3.031.208.712
TỔNG CỘNG	338.679.111.733	337.274.530.300
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.086.945.327)	(894.907.286)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước cho người bán	24.367.548.344	21.585.762.740
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Các khoản trả trước khác	18.985.667.824	16.203.882.220
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	37.367.548.344	34.585.762.740

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Bà Nguyễn Phương Hải (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	30.400.000.000	-
TỔNG CỘNG	36.400.000.000	6.000.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(13.050.000.000)	-

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	64.707.514.226	-	73.340.651.092	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	5.900.000.000	-	5.900.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	(894.226.838)	1.916.209.769	-
Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	(2.233.885.279)	3.689.885.279	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.655.976.517	-	2.719.132.561	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.628.002.390	-	3.520.414.291	-
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm (ii)	7.789.249.835	-	7.205.674.859	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(2.005.750.000)	2.005.750.000	(1.924.300.000)
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	(2.348.010.366)	2.348.010.366	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	2.436.994.156	-	2.789.033.556	-
	109.077.406.069	(7.481.872.483)	105.434.761.773	(1.924.300.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	100.530.000	-	101.025.000	-
	100.530.000	-	101.025.000	-
TỔNG CỘNG	109.177.936.069	(7.481.872.483)	105.535.786.773	(1.924.300.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	38.864.326.795	(4.353.760.366)	26.589.040.633	(1.924.300.000)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	70.313.609.274	(3.128.112.117)	78.946.746.140	-

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	11.517.699.523	-	30.100.031.553	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	338.117.826.127	-	40.188.860.190	-
Thành phẩm	256.134.863	-	300.097.464	-
Hàng hóa	104.464.206.876	-	48.797.756.630	-
TỔNG CỘNG	454.370.367.389	-	119.401.245.837	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	79.569.619.090	79.293.412.447	25.957.351.803	16.170.810.895	200.991.194.235
- Mua trong kỳ	-	157.185.328	763.274.545	-	920.459.873
- Đầu tư XDCB hoàn thành	166.321.003	-	-	-	166.321.003
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	79.735.940.093	79.450.597.775	26.720.626.348	16.170.810.895	202.077.975.111
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	10.012.759.849	9.336.671.626	3.015.148.040	22.364.579.515
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.976.020.882	27.727.989.684	17.898.493.492	7.399.186.540	63.001.690.598
- Khấu hao trong kỳ	1.595.358.741	7.852.851.368	1.656.531.626	994.052.559	12.098.794.294
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	11.571.379.623	35.580.841.052	19.555.025.118	8.393.239.099	75.100.484.892
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	69.593.598.208	51.565.422.763	8.058.858.311	8.771.624.355	137.989.503.637
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	68.164.560.470	43.869.756.723	7.165.601.230	7.777.571.796	126.977.490.219
Trong đó:					
Tài sản thế chấp (*)	59.237.436.944	-	204.579.633	-	59.442.016.577

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 59.442.016.577 VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Thanh Trì (*)	5.862.765.957	5.737.313.349
Dự án Từ Liêm (**)	246.601.885	246.601.885
Các dự án khác	95.190.000	95.190.000
TỔNG CỘNG	<u>6.204.557.842</u>	<u>6.079.105.234</u>

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm giữ 10% lợi ích trong dự án này.

(**) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 1)								
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.491.722	36.489.820.000	14.917.220.000	21.572.600.000	1.491.722	36.489.820.000	14.917.220.000	21.572.600.000
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	-	12.052.300.000	1.205.230	12.052.300.000	-	12.052.300.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	765.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác								
Đầu tư cổ phiếu (*)								
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.072.593.959	27.517.406.041	1.250.000	28.590.000.000	947.834.253	27.642.165.747
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)								
Đầu tư cổ phiếu (*) (tiếp theo)								
Công ty Cổ phần Trung Vốn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	1.189.500	11.895.000.000	2.760.667.722	9.134.332.278	1.189.500	11.895.000.000	2.414.506.149	9.480.493.851
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	-	-	-	78.874	788.740.000	-	788.740.000
Công ty Cổ phần Teisoft	-	-	-	-	120.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
TỔNG CỘNG		229.243.909.500	19.010.935.379	210.232.974.121		231.232.649.500	18.279.560.402	212.953.089.098

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng Tây Hồ	130.000.000	130.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	192.373.149	287.857.628
TỔNG CỘNG	<u>322.373.149</u>	<u>417.857.628</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	883.771.013	642.764.565
Chi phí phục vụ dự án thử nghiệm vi sinh	4.841.305.574	6.946.230.713
TỔNG CỘNG	<u>5.725.076.587</u>	<u>7.588.995.278</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	300.795.071.824	300.795.071.824	138.304.813.755	138.304.813.755
- Công ty Ciena Communications Inc	183.740.229.636	183.740.229.636	-	-
- Công ty TNHH Hudson Capital Holdings	57.512.484.599	57.512.484.599	10.167.584.780	10.167.584.780
- Công ty Telink Group INC	-	-	24.018.106.500	24.018.106.500
- Công ty TNHH Comverse	-	-	13.790.545.410	13.790.545.410
- Phải trả đối tượng khác	59.542.357.589	59.542.357.589	90.328.577.065	90.328.577.065
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	6.508.665.115	6.508.665.115	11.635.919.702	11.635.919.702
TỔNG CỘNG	<u>307.303.736.939</u>	<u>307.303.736.939</u>	<u>149.940.733.457</u>	<u>149.940.733.457</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cục Kỹ thuật Nghiệp Vụ 2 - Bộ Công An	15.306.000.000	-
Cục Công nghệ thông tin	9.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	4.770.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	3.420.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	-	3.103.725.086
Người mua trả tiền trước khác	7.173.571.036	891.429.000
TỔNG CỘNG	<u>36.769.571.036</u>	<u>7.415.154.086</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.611.211.883	30.860.285.759	(33.471.497.642)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.656.753.573	(1.656.753.573)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 29</i>)	12.220.533.178	5.361.742.406	(10.533.283.993)	7.048.991.591
Thuế thu nhập cá nhân	161.240.782	2.631.600.436	(2.660.950.516)	131.890.702
Thuế nhà thầu	208.281.543	1.540.698.836	(1.719.632.674)	29.347.705
Tiền phạt chậm nộp thuế phải trả	<u>2.748.571.780</u>	-	<u>(2.635.511.183)</u>	<u>113.060.597</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.949.839.166</u>	<u>42.051.081.010</u>	<u>(52.677.629.581)</u>	<u>7.323.290.595</u>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	74.897.137.555	(61.948.956.598)	12.948.180.957
TỔNG CỘNG	-	<u>74.897.137.555</u>	<u>(61.948.956.598)</u>	<u>12.948.180.957</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí thực hiện dự án	1.977.838.176	28.631.000
Khác	<u>395.900.193</u>	<u>944.233.921</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.373.738.369</u>	<u>972.864.921</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thù lao phải trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.872.630.668	795.003.288
Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi cho công ty con	1.935.406.177	-
Kinh phí công đoàn	3.620.395.979	3.473.523.979
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	4.685.264.713
Phải trả hàng mang đi bảo hành	764.668.684	3.410.410.576
Phải trả tiền đền bù bảo lãnh bảo hành	-	1.259.141.700
Phải trả phải nộp khác	<u>648.888.008</u>	<u>573.746.506</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.132.136.459</u>	<u>17.601.972.992</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.935.406.177	877.500
<i>Phải trả khác</i>	12.196.730.282	17.601.095.492

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay cá nhân	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	
Vay ngân hàng ngắn hạn	57.874.913.628	57.874.913.628	205.468.338.453	(67.632.019.870)	(6.426.295)	195.704.805.916	195.704.805.916	
Vay dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	17.900.355.000	4.509.416.000	(14.378.439.000)	-	8.031.332.000	8.031.332.000	
	78.275.268.628	78.275.268.628	209.977.754.453	(82.010.458.870)	(6.426.295)	206.236.137.916	206.236.137.916	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng dài hạn	12.600.439.736	12.600.439.736	-	(4.982.809.250)	-	7.617.630.486	7.617.630.486	
	12.600.439.736	12.600.439.736	-	(4.982.809.250)	-	7.617.630.486	7.617.630.486	
TỔNG CỘNG	90.875.708.364	90.875.708.364	209.977.754.453	(86.993.268.120)	(6.426.295)	213.853.768.402	213.853.768.402	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	140.856.063.701	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 12 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,5%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản có định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ông Ngô Quý Hiệp	43.832.096.795	1.960.729	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản gốc và lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2016	5%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 14 tháng 9 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,4%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long – Khoản nợ dài hạn đến hạn trả	11.016.645.420	-	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản có định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
TỔNG CỘNG	206.236.137.916	1.960.729			

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay dài hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Bên cho vay				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	7.617.630.486	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân

TỔNG CỘNG

7.617.630.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.140.621.236	2.820.314.366
TỔNG CỘNG	2.140.621.236	2.820.314.366
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	12.065.945.515	8.025.560.854
TỔNG CỘNG	12.065.945.515	8.025.560.854

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số dư đầu kỳ	2.447.135.751	2.557.720.083
Trích lập trong kỳ	7.500.000.000	6.800.000.000
Phân bổ cho công ty con	(2.600.000.000)	(2.653.522.000)
Sử dụng trong kỳ	(558.057.200)	(3.070.587.000)
Số dư cuối kỳ	6.789.078.551	3.633.611.083

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Kỳ trước							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	31.975.255.576	5.200.000.000	180.522.035.242	715.457.780.818
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	14.051.594.520	14.051.594.520
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(330.000.000)	-	-	-	(330.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	379.399.090.000	118.432.900.000	(401.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	140.453.538.962	676.859.284.538
Kỳ này							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	211.890.892.249	754.016.637.825
- Tăng vốn trong kỳ (*)	8.000.000.000	-	-	-	-	-	8.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	26.480.035.388	26.480.035.388
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	(24.873.298.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
- Khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	423.719.980.000	88.697.010.000	(1.281.500.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	203.997.628.837	756.108.374.413

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 2 năm 2016 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 800.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 9 tháng 5 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	423.719.980.000	423.719.980.000	-	415.719.980.000	415.719.980.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.697.010.000	88.697.010.000	-	88.712.010.000	88.712.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-
TỔNG CỘNG	511.135.490.000	511.135.490.000	-	503.150.490.000	503.150.490.000	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	415.719.980.000	379.399.090.000
Tăng vốn trong kỳ	8.000.000.000	-
Vốn góp cuối kỳ	423.719.980.000	379.399.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.873.298.800	45.520.090.800

21.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức đã công bố trong kỳ	24.873.298.800	45.520.090.800
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	24.873.298.800	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VND/cổ phiếu	-	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	24.873.298.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu phổ thông	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu phổ thông	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	42.255.498	422.554.980.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu phổ thông	42.255.498	422.554.980.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	366.857,43	1.767,97
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ công ty này với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	357.288.231.318	236.928.333.132
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>100.863.629.135</i>	<i>72.749.695.206</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>243.644.389.093</i>	<i>151.546.235.706</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>12.731.604.000</i>	<i>12.341.710.539</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>48.609.090</i>	<i>290.691.681</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>357.288.231.318</u>	<u>236.928.333.132</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>100.863.629.135</i>	<i>72.749.695.206</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>243.644.389.093</i>	<i>151.546.235.706</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>12.731.604.000</i>	<i>12.341.710.539</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>48.609.090</i>	<i>290.691.681</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>355.876.509.414</i>	<i>155.637.077.836</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>1.411.721.904</i>	<i>81.291.255.296</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.531.405.249	1.677.983.211
Cổ tức, lợi nhuận được chia	188.440.200	7.144.589.478
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	2.011.229.144	1.370.978.314
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.687.307.241	841.347.840
TỔNG CỘNG	<u>5.418.381.834</u>	<u>11.034.898.843</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	55.286.903.781	54.960.912.137
Giá vốn hàng hóa đã bán	199.972.432.087	122.282.478.748
Giá vốn thành phẩm phần mềm	3.175.574.188	2.425.446.093
Giá vốn của thành phẩm khác	43.962.601	265.627.739
TỔNG CỘNG	<u>258.478.872.657</u>	<u>179.934.464.717</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	4.517.515.247	2.039.223.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá	748.373.097	7.343.191.305
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	731.374.977	4.929.300.946
Chi phí tài chính khác	211.195	16.459
TỔNG CỘNG	<u>5.997.474.516</u>	<u>14.311.732.597</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	116.266.298	292.372.870
Chi phí bảo hành hàng hoá	4.427.810.301	5.298.605.857
Chi phí bảo hành phần mềm	(776.927.340)	(7.467.000)
Phí chuyển tiền, bảo lãnh ngân hàng	1.294.018.201	756.447.392
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	1.672.683.110	1.198.358.940
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	1.687.850.422	2.073.185.385
Chi phí bán hàng khác	377.611.547	839.776.153
TỔNG CỘNG	<u>8.799.312.539</u>	<u>10.451.279.597</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương	24.933.424.498	19.830.015.547
Chi phí công cụ, dụng cụ	681.319.585	642.171.131
Chi phí khấu hao	3.336.962.280	3.505.426.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.816.311.638	3.060.401.623
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.799.610.524	-
Chi phí khác	6.804.560.813	1.433.694.736
TỔNG CỘNG	<u>58.372.189.338</u>	<u>28.471.709.899</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	1.748.795.115	1.897.898.725
Chiết khấu/ thưởng từ nhà cung cấp	1.025.341.219	-
Thu phạt chậm hợp đồng	404.776.011	-
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	-	1.600.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	92.727.273
Thu nhập khác	318.677.885	205.171.452
Chi phí khác	965.781.423	1.721.005.106
Phạt chậm hợp đồng	962.077.200	473.133.105
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	-	1.227.563.580
Chi phí khác	3.704.223	20.308.421
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	783.013.692	176.893.619

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí mua hàng hóa	206.415.240.667	123.973.157.281
Chi phí nhân công	27.510.273.933	21.674.229.611
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12.521.758.276	14.354.053.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.248.469.067	47.457.454.431
Chi phí khác	33.954.632.591	11.398.559.409
TỔNG CỘNG	325.650.374.534	218.857.454.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.361.742.406	484.117.927
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	435.226.337
TỔNG CỘNG	<u>5.361.742.406</u>	<u>919.344.264</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.841.777.794	14.970.938.784
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>2.905.092.301</i>	<i>2.433.358.841</i>
Các khoản phạt	-	1.199.371.072
Chi phí khấu hao vượt định mức	320.445.866	355.044.870
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	1.093.063.709	878.942.899
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	60.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	1.178.669.011	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	252.913.715	-
Chi phí đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	(188.440.200)	(7.721.939.091)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(188.440.200)</i>	<i>(7.721.939.091)</i>
Thu nhập đã tính thuế từ công ty con	-	(6.736.291.775)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(188.440.200)	(408.297.703)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	(577.349.613)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	34.558.429.895	9.682.358.534
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm (Thuế suất 5%)</i>	<i>10.332.957.152</i>	<i>9.923.731.446</i>
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (Thuế suất 20%)</i>	<i>24.225.472.743</i>	<i>(241.372.912)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện tại	34.558.429.895	9.682.358.534
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện tại	5.361.742.406	484.117.927
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ phần mềm</i>	<i>516.647.858</i>	<i>484.117.927</i>
<i>Chi phí thuế TNDN phần hàng hoá dịch vụ</i>	<i>4.845.094.549</i>	<i>-</i>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	12.220.533.178	6.606.790.044
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	435.226.337
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.533.283.993)	(5.739.220.065)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)	7.048.991.591	1.786.914.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa	3.639.980.000	10.067.667.500
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.736.291.775
		Chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi	1.935.406.177	-
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	1.210.597.234	1.611.839.509
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Lãi vay phải thu	-	506.800.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	-	137.683.266
		Mua hàng hóa	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Cho vay không lãi	-	100.000.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán thiết bị, phần mềm hệ thống cảng	-	79.167.639.339
		Cho thuê văn phòng, ô tô	-	69.818.182
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Cho thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	201.124.670	189.952.525
		Góp vốn	-	7.650.000.000
		Nhận mua dịch vụ	2.292.684.196	3.612.205.517
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	2.728.021.396	3.143.780.200
		Đầu tư vốn cổ phần	-	725.000.000
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập 18.370.150.158 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> <i>(Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	38.400.000	38.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.395.037.933	2.395.037.933
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
TỔNG CỘNG			<u>3.031.208.712</u>	<u>3.031.208.712</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> <i>(Thuyết minh số 6.2)</i>				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			<u>13.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Phải thu lợi nhuận	64.707.514.226	73.340.651.092
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Phải thu lãi cho vay, phải thu khác	1.916.209.769	1.916.209.769
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Phải thu đầu tư Phải thu lãi cho vay	3.281.000.000 408.885.279	3.281.000.000 408.885.279
			70.313.609.274	78.946.746.140
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (**)				
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	14.400.000.000	-
			30.400.000.000	-

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Hòa	10.000.000.000 VND	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	3.000.000.000 VND	3 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	3.000.000.000 VND	3 tháng	8%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000 VND	Khoản vay tất toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	0%/năm	Tín chấp

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay dài hạn	-	14.400.000.000
			-	14.400.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	3.458.985.000	7.712.207.433
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ phần mềm	3.049.680.115	3.923.712.269
			6.508.665.115	11.635.919.702
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Phải trả quỹ phúc lợi	1.935.406.177	-
		Trả hộ chi phí	-	877.500
			1.935.406.177	877.500
Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	2.203.161.702	932.370.474
			2.203.161.702	932.370.474
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Cấp vốn kinh doanh	11.848.300.536	11.848.300.536
			11.848.300.536	11.848.300.536

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	1.975.099.680	1.459.620.000
	1.975.099.680	1.459.620.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	2.037.450.000	2.057.340.000
	<u>2.037.450.000</u>	<u>2.057.340.000</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	4.952.658.402	6.817.521.381
Từ 1 – 5 năm	139.458.429	552.844.294
	<u>5.092.116.831</u>	<u>7.370.365.675</u>

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>STT</i>	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Số vốn thực góp</i>	<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	11.895.000.000	10.605.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
5	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
		<u>513.418.000.000</u>	<u>68.787.240.000</u>	<u>444.630.760.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng


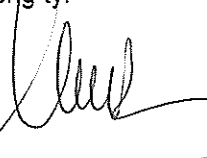

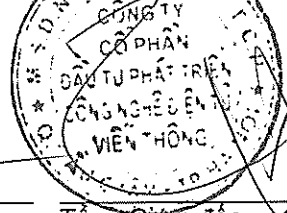
Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-06/2016/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức, với tổng số cổ phần phát hành thêm tối đa dự kiến là 4.225.549 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết 4.225.377 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

		 
Người lập Chu Hồng Hạnh	Kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Minh	Tổng Giám đốc Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016